

YẾU TỐ TRÌNH DIỄN SÂN KHẤU TRONG LỄ HỘI

TRẦN YẾN CHI*

Mỗi lễ hội cổ truyền với đặc điểm nghệ thuật hóa các nghi thức và nghi thức hóa các biểu hiện nghệ thuật... mang đầy đủ những đặc trưng, những thành phần cấu tạo nên nghệ thuật trình diễn sân khấu: Lễ hội như tên gọi của nó, bao gồm hai phần. Phần lễ và phần hội. Hội gắn liền với lễ và chịu sự quy định nhất định của lễ. Có lễ mới có hội. Yếu tố trình diễn sân khấu trong lễ hội được thể hiện trong Hội thể hiện qua lễ.

1. Không gian & thời gian:

Địa điểm mở hội chính thường là đình làng. Những cũng có nơi ở đền, như hội Lý Bát đế (Tiên Sơn Hà Bắc); ở chùa như hội chùa Keo; ở gò đồng ngay cạnh làng như hội bà Đồng (Hà Bắc). Lại có nhiều hội xuất phát từ một địa điểm cố định rồi lan dần ra bãi, ra đê, cánh đồng, ra tận ven rừng, chân núi theo diễn biến của trò diễn hay phong tục như hội Gióng, hội Chen (Quế Võ, Hà Bắc)..... Như vậy mỗi lễ hội thực sự là một cuộc trình diễn lớn mà sân khấu không phải là mảng không gian chật hẹp mấy chục thước vuông phòng màn ba bề vây kín. *Diễn trường hoành tráng* của lễ hội là cả vùng thiên nhiên rộng lớn với bầu trời, sông nước, làng xóm, cây đa mái đình, đường làng, bãi sông.....Các lễ hội lại thường được tổ chức vào tháng giêng, hai âm lịch liên tiếp những ngày sau Tết Nguyên đán. Những đợt mây mùa đông u ám xà thấp tan dần. Bầu trời xuân cao xanh. Chim chóc ríu rít. Âm dương giao hòa. Mặt sông sóng nước. Đê làng mướt cỏ xanh non. Cây cối đâm chồi nảy lộc sau những ngày đông rét mướt. Lòng người rộn rã phấn chấn sau thu hoạch vụ mùa và những ngày Tết no đủ..."Không gian và thời gian của lễ hội khác với không

* Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh, TP. Hồ Chí Minh.

gian, thời gian bình thường. Đó là thời điểm mạnh, là không gian linh thiêng. Thời gian này được qui định sẵn, mọi người chờ nó đến. Càng chờ lâu thì hội làng càng trọng thể. Một năm, hai ba năm có khi hàng mấy chục năm. Sự linh thiêng bất bình thường này được ghi đậm trong nhiều mặt của đời sống ngày hội, y phục đẹp hơn ngày thường, ăn uống ngon hơn với những thức ăn đặc biệt ngày thường không có, lúc này dân làng được vui chơi và không phải lao động (hoạt động kéo dài trong suốt những năm tháng bình thường). Đặc biệt những điều kiêng kỵ, những tục luôn luôn nhắc nhở mọi người làng không được buông thả như thường ngày. Và đầu dây hình như các vị thần thánh trở về khiến cho những ngày hội tồn tại trong một hiện thực khác thường, *một hiện thực ít nhiều có tính chất huyền ảo.*"⁽¹⁾.

Không gian đó, thời gian đó thật lý tưởng, thật kỳ diệu, thật tuyệt vời dành cho những cuộc trình diễn qui mô, vượt quá tâm mơ ước của bất kỳ người đạo diễn, người nghệ sĩ sân khấu đương đại nào.

2. Văn:

Vượt lên những ngôn từ trong sinh hoạt, giao đãi trong cộng đồng dân cư làng xóm thường ngày, những bài văn tế, những lời khấn chúc trong lễ hội thường do những bậc túc nho trong làng viết ra nội dung cung kính thuật lại sự tích thần hội, cầu chúc làng xóm yên bình, mùa màng tốt tươi. ý phải đẹp. Lời phải hay. Phải khúc triết mà lại nhịp nhàng, có ngữ điệu. Khi trang trọng, khi hùng hồn mạnh mẽ, khi thanh thoát uyển chuyển, khi lâm li thống thiết...mới làm xúc động thần linh và khích lệ lòng người. Vì vậy người xướng tế (đọc văn tế) cũng cần tuyển chọn công phu. Phải trọng thanh, trường giọng. Nhiều nơi trước hội có cuộc thi đọc *mục lục* (văn tế) rất công phu để chọn người xướng tế.

Đặc biệt *lời giáo* mở đầu lễ hội thường là những câu thơ dưới dạng văn nói văn chương và khái quát, mang tính nhắc nhở, hiệu triệu. Thí dụ lễ hội Trường Yên (Ninh Bình) tôn vinh Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh, khi ông trùm diễn đàn "trẻ chăn trâu của ba thung" vào sân rồng quỳ trước bàn thờ vua Đinh để lễ tạ ơn vua, xin phép vua cho trình trò diễn, người xướng lễ xướng to bài tấu như sau :

Giời sinh Thánh đế

Đẹp loạn chính vì

Giữ nước hộ dân

Trải mấy nghìn năm

.....

Già trẻ hoan hình

Hết lòng kỷ niệm

*Tích xưa bày diễn
Tập trận bông lau
Nhắc lại đời sau
Tỏ gương đời trước.....*

3. Âm nhạc :

Âm nhạc ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, kể cả những âm thanh tạo dựng nên không khí linh thiêng, trang trọng, vui tươi của lễ hội.

Tiếng trống, tiếng chiêng, thanh la, tù và...là những thanh âm lớn, tạo âm hưởng đặc biệt trong suốt những ngày lễ hội. Tiếng trống, chiêng, thanh la, tù và báo hội vang qua cánh đồng, truyền từ làng này sang làng khác, thúc dục dân làng già trẻ trai gái khắp khối, náo nức dự hội. Dàn bát âm lôi cuốn mọi người theo đám rước, còn điều khiển bước đi của chân kiệu nhanh hay chậm tùy nhịp theo nhịp nhạc mau, thưa. Trống cái, trống con, thanh la, sinh tiền tấu trong châu lễ. Nhạc lễ không phải chỉ mua vui, gây không khí mà còn góp phần điều tiết, phụ họa công việc hành lễ thêm nhịp nhàng, lôi cuốn : Trống gióng một tiếng thì chủ tế bước lên một bước. Gióng hai tiếng bước lên hai bước....Gióng lên một hồi là mãn tế. Hát châu văn trong hội tam phủ, tứ phủ phối hợp cùng ban nhạc với các nhạc công khá điêu luyện, thông thạo đủ điệu nhạc như lưu thủy, châu văn, chèo đò, cò, dục, xá, miếu, phóng để phù hợp với mỗi giá cầu Thánh. Hát quan họ, hát xoan, hát ả đào... ở các hội lễ làng quê vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ thực sự là những làn điệu phong phú, nghệ thuật mà sau này tách riêng ra vẫn là những ca mục được mọi người ưa thích.

4. Múa:

Múa kết hợp với hát, với xướng là những tiết mục không thể thiếu được trong hội làng.

Múa có những điệu theo bài bản nghiêm ngặt như điệu múa dâng hương, dâng rượu lên thần thánh trong tế lễ, vừa nhịp nhàng uyển chuyển, vừa thành kính tôn nghiêm. Những điệu múa này phải do các cô gái thanh tân trong làng đảm nhận. Cũng có điệu múa tùy hứng của người diễn như dáng đi, cử chỉ ông ẹo của con di đánh bông, điệu múa phỏng các động tác võ thuật, chiến trận của người đóng vai tướng sĩ xe pháo mã tốt... trong các bàn cờ người mà các kỳ thủ thi tài cao thấp trong ngày hội, biến bàn cờ vốn lặng lẽ dành cho cuộc đấu trí trở nên sinh động, mỗi lúc mỗi trở của một sân diễn. Có những điệu múa gồm nhiều bài múa và các tiết mục khác nhau nối tiếp như *múa Mối* được trình diễn suốt từ tối mồng 4 đến sáng mồng 5 tháng Giêng âm lịch trước điện thờ trong hội làng Mỹ Lương (Yên Lập, Vĩnh Phú). "Diễn viên là hai cặp trai, gái thắt lưng xanh, đỏ, trai múa roi, gái múa khăn dài có tua, tất cả đều quay mặt về

phía bàn thờ và tiến về phía đó. Dân nhạc đệm giữ cho múa, ngồi hai bên chiếu múa, gồm : 2 người đâm ống bương xuống sàn, mỗi tay một ống, sau khi đập ống bương vào nhau hai lần lại gõ xuống sàn thành nhịp: *tinh tinh cộc! tinh tinh cộc!* 1 người đánh công, 1 người gõ trống con. ở bên ngoài phần đông là trai gái thanh tân tự do hát ví với nhau, sau một câu hát lại hô lên: *Anh chị em ơi, reo lên!* Tất cả cùng reo to lên. Người múa cứ múa người hát cứ hát, hết cặp múa này đến cặp múa khác vào chiếu. Cứ như vậy suốt đêm thâu. Múa Mối gồm có Múa hương: Nam múa rồi cầm tay nữ mời vào thành một cặp múa; Múa bắn cung: Mũi tên là que hương cháy đỏ, người con trai bắn mũi hương vào cô con gái nào thì cô đó vào để thành cặp múa; Múa khăn đai: Một cặp quàng khăn dài đầu có tua cầm hay quàng tay nhau múa; Múa gươm Múa roi: Chỉ có con trai, thành cặp, càng đông càng vui, họ đập roi và gươm vào nhau theo nhịp nhạc đệm.....⁽²⁾

Trong lễ hội, nhiều điệu múa tái hiện lại sự việc, cuộc sống cộng đồng. Múa cờ, múa hổ ở Hội Gióng. Múa rồng, múa lân hòa trong điệu múa cờ lau tập trận ở hội Trường Yên (Ninh Bình). Múa Ông Đùng bà Đà ở hội làng Quan Lạn (Thái Thụy, Thái Bình) thân chủ là bà Chúa Muối.... Nhiều điệu múa trong các lễ hội sau này được khai thác, chỉnh lý thêm đã trở thành tiết mục nghệ thuật có giá trị trên sân khấu chuyên nghiệp.

5. Tạo hình: Trong diễn trường rộng lớn của cuộc trình diễn lễ hội, nghệ thuật trang trí, tạo hình thật phong phú. Bao gồm đầy đủ: kiến trúc, hội họa, điêu khắc, hóa trang, phục trang... Đó là đường làng đất đỏ tre xanh. Đó là cây đa bến nước. Là đình, chùa, đền, miếu cổ kính. Những lá cờ hội cắm suốt đường làng, nổi bật trên bãi lúa, nương dâu. Đó là long kiệu, long đình, hoành phi câu đối, đồ thờ, bát bửu, ngựa gỗ, voi gỗ... chạm khắc tinh xảo sơn son thếp vàng. Tượng phật, tượng thần, bia cổ, voi đá, ngựa đá, gốc đa, mái đình...thường ngày vẫn ở nơi đó, nhưng đến ngày lễ hội lại tự nhiên trở thành những hiện vật trang trí làm tăng thêm vẻ trang nghiêm, linh thiêng, truyền thống của mỗi lễ hội....

Trang phục của người trình diễn đều là áo quần, mũ mấn được qui định theo vị trí, vai trò từng cá nhân. Phân biệt màu sắc áo mũ là việc hệ trọng của thứ bậc trong hội lễ. ở các trò diễn thì phục trang càng quan trọng. Tướng chỉ huy. Quân giặc. Quân ta... hàng chục hàng trăm vai đều tuân theo qui định vừa cụ thể vừa ước lệ. Xin nêu một thí dụ: Đồng phục của phu cờ trong lễ hội Phủ Giầy: áo cánh vàng, quần trắng, đầu đội khăn đen, có phủ giải lụa vàng ra ngoài, chân đi đất...Hoặc trong lễ hội Phủ Gióng Chi Nam (Sen Hồ, Gia Lâm, Hà Nội) quân sĩ hai bên phục trang như sau: Trai làng đóng quân Khanh (quân ta) thì mình trần, khố đỏ, bao vàng. Trai làng đóng quân Ân thì mình trần khố xanh, bao trắng.V.v...

Trang phục người dự hội thì quần lành áo tốt nhất, đẹp nhất. Đẹp mà lại phải đứng đắn, trang nghiêm. Cầu thả, bợm bãi là mạn thượng sẽ bị thần phạt, làng bắt vạ.

Việc hóa trang trong lễ hội người Việt tuy không quan trọng, không phổ biến nhưng vẫn có. Múa hổ, múa rồng là do người hóa trang. Ông ác, ông thiện, con đĩ đánh bông thì hóa trang có tính cường điệu để nhấn thêm tính cách. Ở cách lễ hội nông nghiệp, trình nghề thì các vai sĩ, nông, công thương, ngư tiêu, canh mục, con trâu kéo cây, con bò kéo bừa... đều phải sử dụng nghệ thuật hóa trang, khi tả thực, khi tượng trưng, miễn sao miêu tả được vị trí và tính cách của vai diễn.

6. Người diễn & Người xem:

Như trên trình bày, **Người trình diễn** trong lễ hội dù là chủ tế, bồi tế hay chân kiệu, vác biển, chạy cờ; dù chức sắc hay bạch đình, nam hay nữ, thiếu niên hay bô lão....đều phải qua vòng tuyển lựa nghiêm túc theo lệ làng. Việc tuyển chọn đó mang ý nghĩa thiêng liêng là tôn trọng thần thánh. Được tuyển chọn vào vai trình diễn, được khoác lên mình bộ lễ phục đi trong đám rước huy hoàng hay đứng trong hội tế tại sân đình là một vinh dự lớn không phải chỉ cho bản thân mà còn cho cả gia đình, họ tộc. Được chọn vai rồi, ngoài việc tuân thủ đầy đủ luật lệ của làng, kiêng khem đủ mọi điều trước thần linh, dồn nén mỗi ngày một thêm dẫy trong tâm tưởng mình, người trình diễn còn phải luyện tập vai diễn của mình sao cho thuần thực. Nghi lễ trong ngày chính hội chỉ diễn ra trong vài giờ đồng hồ nhưng việc chuẩn bị, luyện tập người nào việc ấy kéo dài trước đó rất lâu. Những lễ hội kéo dài thì việc tập luyện, trình diễn càng vất vả. Thí dụ Hội Gióng Phù Đổng, chính hội vào ngày 9 tháng tư (Âm lịch). Nhưng trước đó 600 người được tuyển lựa vào 10 toán diễn đã phải tập luyện cho công việc của bộ phận mình như sau: *Mồng 1 tháng ba (Âm lịch)*: Lên nhận sổ hội lệ ở đền. Phân cử các vai; *Ngày 15 tháng ba*: Các toán lên nhận cờ lệnh, trống, chiêng và bắt đầu tập; *Ngày 25 tháng ba*: Cùng nhau nhau quét đền, lau đồ; *Mồng 1 tháng tư (Âm lịch)*: May xong cờ lệnh mới, quần cờ, cho cờ vào Miếu (túi đựng cờ lệnh); *Mồng 5 tháng tư*: Giáp áo (Tổng diễn tập). Hội trận (một phân trước cửa đền; *Mồng 6 tháng tư*: Bố trí chiến trường-buổi sáng. Tham gia rước nước - buổi chiều; *Mồng 8 tháng tư*: Duyệt lại các vai nữ tướng giặc... Thật nghiêm túc, công phu không kém gì công việc chuẩn bị một vở diễn sân khấu chuyên nghiệp hiện nay.

Người xem đến với lễ hội cũng với tâm thế đã được tích lũy, chuẩn bị như thế. Hội làng thường mỗi năm một lần. Nhưng có hội ba năm, năm năm. Có hội hàng chục năm mới một kỳ chính hội. Hội lệ càng lâu thì sự chờ đợi càng nén,

sắp tới kỳ hội càng nao nức, càng hồi hộp. Điển tích của hội làng mình ai cũng thuộc làm lòng mà ngày hội sắp tới lại tưởng như mới, lại nao nức chờ đợi... “*Ài ơi mong chín tháng tư. Không đi hội Gióng cũng hư mất đời*”, “*Ài là con cháu Rồng Tiên. Tháng ba mở hội Trường Yên thì về...*”. Đây là không kể mỗi việc trong tiến trình hội làng, giữa các họ tộc còn có sự thi đua (ganh đua) khi ngắm ngẫm khi công khai. Mâm xôi dâng thánh của họ tộc nào to hơn đầy hơn, mâm quả của họ tộc nào đẹp hơn, trai tráng họ tộc nào được làng kén nhiều hơn vào chân cờ, chân kiệu. Vì thế dân làng đến với lễ hội làng mình không phải với vị thế là *người xem* (khán giả), mà với tâm thức *người dự*. Hội là của mình. Và khi bước vào hội, dù được chọn vào một vai trò diễn hay chỉ là đứng vòng ngoài trầm trồ tán thưởng, hò reo... thì người dân làng quê Việt đã thực sự bước vào hội lễ.

7. Tổ chức :

Lễ hội do làng tổ chức dựa trên cơ sở hương ước. Dân làng đều tường tận, đều quan tâm, coi là công việc trọng đại một năm (hoặc nhiều năm) mới có một lần.

Thay mặt dân làng chỉ huy toàn bộ công việc trong suốt kỳ hội là *Cai đám*. Kết quả của kỳ hội làng có tốt đẹp hay không, từ đó dân làng có yên tâm tin tưởng có được một năm an khang thịnh vượng mùa màng tốt tươi hay không, là nhờ vào khả năng điều hành, quán xuyến hội của cai đám. Vì vậy cai đám được làng chọn lựa nghiêm ngặt. Phải là người đứng tuổi (trên 50 tuổi), có uy tín, có đạo đức được dân làng thừa nhận, ngợi khen; về kinh tế gia đình có mức sống khá giả; gia cảnh vợ chồng hòa thuận, đủ con trai con gái; khỏe mạnh, linh lợi; không vướng tang gia.... Có làng không bầu cai đám thì lập *Ban khánh tiết* để điều khiển ngày hội. Nhưng đó chỉ là việc tổ chức, điều hành, phân việc chung. Còn các trình thức nghi lễ, trình diễn trong lễ hội thì là những kinh nghiệm, tập tục, thói quen truyền từ hội trước đến hội sau, từ đời này sang đời khác. Qua năm tháng, qua bao thế hệ, hội làng từ nghi thức đến hội hè là một cuộc trình diễn tổng thể, nhuần nhuyễn mà “*Người nông dân Việt cổ trong cộng đồng làng xóm vừa là tác giả kịch bản của hội, vừa là đạo diễn, vừa là diễn viên, đồng thời lại là khán giả của hội làng. Cả bốn vai trò đều được biểu hiện đồng thời, hỗ trợ nhau trong tinh thần sáng khoái nhất. Đây là hiện thực vì hội làng đáp ứng được những nhu cầu chủ yếu và sâu sắc nhất của con người ấy, cộng đồng ấy*”⁽³⁾

Kết luận

Hội làng là trung tâm thể hiện ý thức của cộng đồng làng xóm và trung tâm tích tụ văn hóa nghệ thuật. Hội làng và văn hóa hội làng là sức sống, là tài sản văn hóa truyền thống của dân tộc. Với đặc điểm nghi thức hóa nghệ thuật và nghệ thuật hóa nghi thức, mà ở đây là nghệ thuật có tính tổng hợp: **Nghệ thuật**

trình diễn sân khấu, hội làng có sức sống bền vững, được trao truyền giữa thế hệ già và trẻ, giữa các thời đại, trải qua nhiều thế kỷ.

Yếu tố trình diễn (nghệ thuật sân khấu) đã góp phần làm cho hội làng mang được đầy đủ hai chức năng quan trọng nhất của văn học nghệ thuật :

1- Tuyên truyền & giáo dục.

Mỗi dịp lễ hội là mỗi dịp dân làng, và rộng hơn là dân chúng thập phương đến dự hội, qua những trình diễn nghi thức và nghệ thuật, được nhắc nhở về lịch sử, về truyền tích thần tích của làng của nước, về đạo lý, về lao động sản xuất, về tinh thần thượng võ và nếp sống hào hoa. Người nông dân biết đến lịch sử của nước của làng không phải qua sách sử. Lịch sử không phải giáo lý xa xôi, mà là những việc cụ thể, người cụ thể mỗi kỳ hội lại hiển hiện về cùng xóm làng. Là những tấm gương cụ thể, gần gũi mỗi năm thấm sâu vào tiềm thức mỗi người từ già đến trẻ. Là rào cản tâm linh khích lệ mọi người làm điều thiện tránh điều ác. Qua mỗi hội làng ý thức cộng đồng của mọi người được nâng cao, tình làng nghĩa xóm thấm nhuần, hương ước được tôn trọng, nội lực họ tộc được củng cố....cho con người thêm niềm tin và sức mạnh trên đồng ruộng và giữ cho mọi hành vi xử thế của mình không vượt quá giới hạn đạo lý.

2- Giải trí & Hưởng thụ.

Người nông dân làng quê quanh năm làm lụng vất vả đầu tắt mặt tối, chỉ đợi đến kỳ hội vào lúc nông nhàn để được được nghỉ ngơi, giải trí. Một không khí thiêng liêng và trần tục, trang nghiêm và vui tươi trong sáng, tràn đầy tình nhân ái lan truyền trong suốt những ngày làng vào đám. Trong hội, người ta hòa nhập cá nhân vào cộng đồng, thể hiện hết mình, vui chơi hết mình. Hơn thế, mỗi trò chơi trong hội là hoạt động phối hợp nhiều ý nghĩa: vừa để giải trí, thi tài, vừa để chiêm nghiệm tích nén tín ngưỡng, tâm linh...thông qua các biểu tượng nghi thức, trình diễn để sau đó ra hội với tâm trạng tin tưởng hơn, sáng khoái hơn, phấn chấn hơn. Cùng xuất phát từ kinh tế sinh nghiệp của người Việt cổ là nghề trồng lúa nước, cùng với những nghi thức, trình lễ đã được qui định, nhưng mỗi lễ hội của làng quê Việt là một cuộc trình diễn khác nhau. Sự đa dạng, phong phú không những chỉ biểu hiện ở số lượng đề tài mà còn mà còn thể hiện ở nội dung từng đề tài và hình thức trình diễn mỗi hội làng mỗi khác. Hơn 400 lễ hội làng quê Việt là một bảo tàng, một bức tranh toàn cảnh phản ánh xã hội, văn hóa, phong tục tập quán của quê hương đất nước Việt Nam và là nguồn giải trí và cảm hứng vô tận của người nông dân đất Việt qua bao thăng trầm của lịch sử.

Hội làng chuyển tải những THÔNG ĐIỆP GIÁ TRỊ. Nhưng Hội làng phải VUI. Phải ĐẸP. Phải HẤP DẪN. Đó cũng là tiêu chí mà bất cứ ngành nghề thuật nào cũng mong vươn tới.

Dự lễ hội cổ truyền, được chứng kiến những đoàn rước với nghi thức trình diễn trên đường, khi không có gió, không có một hiệu lệnh nào mà bỗng chợt cả đoàn người đang đi bỗng rùng rùng chuyển động theo một nhịp điệu lạ. Long kiệu, long đình quay tròn. Chân kiệu chận cờ cùng rậm rạp rảo bước, quây lộn vươn lên rạp xuống. Chiêng dục trống thúc liên hồi. Đàn, nhị gấp gỏi. Cứ thế...hồi lâu. Mãi sau, khi mọi sự dần dần trở lại bình thường. Người diễn người xem như cùng bừng tỉnh, cùng vừa thoát ra khỏi một cơn mộng ảo lôi cuốn. Những lần như thế, dân gian gọi là “Kiệu bay”, là “Thánh nhập”, là “Rước gặp giờ linh”....Những năm hội như thế mọi việc sẽ hanh thông, mùa màng sẽ tươi tốt, làng xóm thịnh vượng an khang. Danh hội càng vang xa. Hội làng càng trở nên linh thiêng, huyền bí.

Gạt bỏ những gì tạm gọi là mê tín, thánh thần hóa, đứng trên góc độ trình diễn sân khấu, chúng ta có thể nhìn nhận đó là lúc mà người diễn người xem cùng “nhập vai”, cùng bị trò diễn “hút hồn”, cùng “nhập thần” để bước vào một khoảnh khắc tâm thức ảo, biến dạng, thăng hoa..... cùng trò diễn.

Hiệu quả đó chắc không hình thức trình diễn sân khấu chuyên nghiệp, hiện đại nào có thể đạt được.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Quốc Vượng (chủ biên), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, 2006.
2. Trần Ngọc Thêm (chủ biên), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 1995.
3. Đào Duy Anh (dịch), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, 1971-1973.
4. Viện Văn hóa dân gian, *Lễ hội cổ truyền*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
5. Toàn Ánh, *Phong tục Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, 1991.
6. Nhất Thanh-Vũ Văn Khiếu, *Phong tục làng xóm Việt Nam*, Nxb. Phương Đông, 2005.
7. Bùi Thiết, *Tự diễn hội lễ Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, 1993.
8. Nguyễn Tiến Dũng (chủ biên), *Văn hóa Việt Nam thường thức*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, 2005.
9. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2002.